

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 7 - 2020

V/v ly hôn giữa:

chị C và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T), sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Phạm Thị L; cùng địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị C xin xét xử vắng mặt; anh T, ông Đ, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2004. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm làm cho hôn nhân không có hạnh

phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Định C1, sinh ngày 14/3/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu C1, để anh T nuôi cháu T1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T): Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không chấp hành. Tòa án đã tiến hành làm việc với bố, mẹ đẻ của anh T là ông Nguyễn Tiến Đ và bà Phạm Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Nguyễn Tiến Đ, bà Phạm Thị L trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T, vợ chồng anh T, chị C hiện ở cùng thửa đất với vợ chồng ông, bà; anh Th hiện đi làm nghề xây dựng ở xa nên không ở nhà. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo cho anh T, anh T đã nhận được, đã biết yêu cầu ly hôn của chị C nhưng do công việc bận nên anh T chưa đến Tòa án để trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của chị C được. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T thì ông, bà không nắm được, chỉ biết từ khoảng tháng 10/2019 thì chị C đi làm rồi không về nhà nữa; kể cả Tết âm lịch năm 2020, chị C cũng không về nhà ăn tết, không về thăm chồng, con. Bà L chỉ nghe được thông tin anh T có gọi chị C về đoàn tụ nhưng chị C không về. Nay chị C xin ly hôn anh T thì tùy chị C, anh T quyết định. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Định C1, sinh ngày 14/3/2013. Trước đây, hai cháu ở với vợ chồng ông bà vì chị C và anh T thường đi làm xa; đến tháng 02/2020 thì chị C đã đón cháu C1 về ở cùng ông bà ngoại ở còn cháu T1 vẫn ở cùng ông, bà. Ông Đ thì muốn hai cháu ở cùng nhau, giao cho chị C hoặc anh T nuôi cả 02 con chung; bà L đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Chị C và anh T không có liên quan gì với kinh tế của ông, bà; còn với người khác thì ông, bà không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt các

đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T); giao cháu Nguyễn Viết T1, sinh ngày 13/8/2005 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đình C1, sinh ngày 14/3/2013 cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Bùi Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng không có lý do nên nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T) có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày **28/12/2004** tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi và tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã kéo dài, các bên không còn thiết tha đoàn tụ, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị C đối với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Đình C1, sinh ngày 14/3/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không thể hiện quan điểm gì; chị C nhận nuôi cháu C1, nhường quyền nuôi cháu T1 cho anh T, đúng với nguyện vọng của cháu T1 và cháu C1; Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Viết T1 cho anh Nguyễn Văn T tiếp trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đình C1 cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Viết T1, sinh ngày 13/8/2005 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đình C1, sinh ngày 14/3/2013 cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001708 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh